

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác  
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hoà Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13  
ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm  
2014;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của  
Luật Thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại  
Tờ trình số 446/TTr-SNN ngày 19 tháng 6 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 7 năm 2019 và thay thế Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi và cấp bù miễn thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, NNTN (BD60).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**

**QUY ĐỊNH**

**Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi  
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

*(Kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi áp dụng

a) Quy định này áp dụng đối với việc quản lý, khai thác các công trình, hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

b) Đối với các công trình, hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác, việc tổ chức quản lý, khai thác do chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) quyết định trên cơ sở vận dụng hướng dẫn của Quy định này và các hướng dẫn khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, sử dụng có hiệu quả.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi; các hộ dùng nước sử dụng nước từ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

**Điều 2. Quy định phân cấp**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ về quản lý nhà nước đối với công trình và hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

**Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi**

1. Quản lý thống nhất theo hệ thống công trình thủy lợi, lưu vực tưới tiêu; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng nước phục vụ sản xuất. Đồng thời bảo đảm các yêu cầu phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại khác do nước gây ra, bảo đảm an toàn công trình.

2. Các công trình có quy mô vừa và lớn, quan trọng, có kỹ thuật vận hành phức tạp giao cho doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi khai thác. Đối với các công trình có quy mô nhỏ vận hành đơn giản và hệ thống kênh mương nội đồng giao cho tổ chức thủy lợi cơ sở khai thác.

3. Hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng trên địa bàn phục vụ tưới tiêu gọn trong phạm vi xóm, liên xóm, xã (không liên quan đến hệ thống công trình giao doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi) giao cho một tổ chức thủy lợi cơ sở khai thác, vận hành (gồm các Hợp tác xã và Tổ hợp tác...).

4. Công trình do cấp nào quản lý thì cấp đó trực tiếp tổ chức quản lý và đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp theo đúng quy định của Nhà nước. Trong một hệ thống công trình nếu có từ hai cấp quản lý trở lên thì cấp quản lý cao hơn chủ trì đề xuất tổ chức và thống nhất về quy trình vận hành hệ thống để đảm bảo hài hòa lợi ích chung.

5. Việc khai thác, sử dụng tổng hợp công trình thủy lợi phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch đã có và tuân theo các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy định của Luật thủy lợi.

## **Chương II**

### **PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

#### **Điều 4. Tiêu chí phân cấp công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh**

1. Các công trình được phân cấp cho tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý gồm:

a) Công trình hồ chứa có chiều cao đập (Hđ) từ 12 m trở lên, hoặc dung tích chứa từ 500.000 m<sup>3</sup> trở lên.

b) Công trình đập dâng có chiều cao đập (Hđ) từ 10 m trở lên.

c) Trạm bơm điện, trạm bơm thủy luân phục vụ diện tích tưới, tiêu từ 50 ha trở lên.

d) Công trình cùng hệ thống hoặc khu tưới với công trình đã được giao cho doanh nghiệp quản lý, khai thác để đảm bảo tính hệ thống của công trình, tránh việc trùng lặp diện tích tưới tiêu.

2. Các công trình thủy lợi được phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý gồm:

a) Công trình đập, hồ chứa nước nhỏ là đập có chiều cao dưới 12 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m<sup>3</sup>.

b) Công trình đập dâng có chiều cao đập (Hđ) nhỏ hơn 10 m.

c) Trạm bơm điện, trạm bơm thủy luân phục vụ trong phạm vi xã hoặc cấp hành chính tương đương, có diện tích tưới dưới 50 ha.

d) Các công trình có quy mô nhỏ được đầu tư hàng năm, không được cập nhật vào danh mục đã phân cấp.

đ) Các công trình kênh mương nội đồng thuộc hệ thống công trình thủy lợi lớn do các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi quản lý kể từ sau điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

### **Điều 5. Điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi**

1. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân khai thác công trình với tổ chức thủy lợi cơ sở là vị trí được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng.

2. Đối với tỉnh Hòa Bình là tỉnh miền núi, quy mô thủy lợi nội đồng quy định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 30 ha.

3. Điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi là vị trí công đầu kênh của kênh loại III.

a) Phân loại kênh như sau:

Kênh loại I: Kênh trục chính của hệ thống lớn quan trọng; Kênh loại II: Kênh liên huyện, liên xã; Kênh loại III: Kênh nội đồng, liên thôn.

b) Trường hợp không xác định được vị trí điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ cụ thể thì tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thỏa thuận điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

### **Điều 6. Thẩm quyền phân cấp quản lý công trình thủy lợi**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục các công trình phân cấp cho các tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố quản lý (sau đây gọi tắt là cấp huyện) theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao công trình thuộc cấp huyện quản lý cho các tổ chức thủy lợi ở cơ sở hoặc doanh nghiệp có đủ năng lực để trực tiếp quản lý, khai thác trong thời hạn 3 tháng kể từ khi được phân cấp quản lý.

3. Đối với các xã chưa có các tổ chức thủy lợi ở cơ sở, căn cứ số lượng và quy mô công trình thủy lợi trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập mới hoặc kiện toàn thêm nhiệm vụ cho các tổ chức Hợp tác xã, tổ hợp tác khác trên địa bàn và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao các công trình thủy lợi trên địa bàn (thuộc cấp huyện quản lý) cho các tổ chức này quản lý, khai thác.

### **Điều 7. Trách nhiệm của Chủ sở hữu, chủ quản lý công trình thủy lợi**

1. Trách nhiệm của Chủ sở hữu công trình thủy lợi

a) Đối với các công trình đầu tư từ ngân sách nhà nước Chủ sở hữu công trình thủy lợi trên toàn tỉnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí bảo trì, đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa, xử lý khắc phục sự cố và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

c) Trong đầu tư xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan, tổ chức làm đại diện Chủ sở hữu tùy vào từng trường hợp cụ thể.

## 2. Trách nhiệm của Chủ quản lý công trình thủy lợi

a) Quản lý việc khai thác và bảo vệ công trình theo mục tiêu, nhiệm vụ thiết kế và tiềm năng, lợi thế của công trình.

b) Lựa chọn, ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; giám sát việc cung cấp và sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

c) Chủ trì việc điều tra, đánh giá hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi định kỳ 5 năm hoặc đột xuất; quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá định kỳ 5 năm hoặc đột xuất.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

## Chương III

### TỔ CHỨC KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

#### Điều 8. Tổ chức và phương thức khai thác công trình thủy lợi

1. Chủ thể khai thác công trình thủy lợi bao gồm:

a) Doanh nghiệp.

b) Tổ chức thủy lợi cơ sở.

c) Cá nhân.

2. Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải đảm bảo về năng lực theo quy định tại Chương III, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

3. Cơ quan được phân cấp quản lý công trình thủy lợi quyết định phương thức khai thác công trình thủy lợi như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào năng lực của doanh nghiệp, điều kiện cụ thể của tình hình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao cho doanh nghiệp nhà nước khai thác theo phương thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ;

b) Công trình do cấp huyện quản lý do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định giao cho đơn vị có đủ năng lực khai thác theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

4. Công trình do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì tổ chức, cá nhân đó quyết định phương thức khai thác.

#### **Điều 9. Thành lập, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở**

1. Trong thời hạn không quá 1 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được giao quản lý công trình chỉ đạo cụ thể:

a) Đối với các địa phương chưa có tổ chức quản lý, khai thác công trình phải thành lập tổ chức thủy lợi cơ sở.

b) Các Ban quản lý thủy nông, Ban Thủy lợi xã được giao quản lý, khai thác công trình đang hoạt động với hình thức lãnh đạo, cán bộ xã kiêm nhiệm thì phải chuyển đổi sang loại hình hợp tác xã hoặc tổ hợp tác.

c) Đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác có dịch vụ thủy lợi đang hoạt động phải củng cố tổ chức bộ máy quản lý, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Điều 26 và thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 25, 27, 28, 29 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT, ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này khi chưa thành lập được tổ chức thủy lợi cơ sở.

#### **Điều 10. Bộ máy quản lý, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở**

1. Bộ máy quản lý được lựa chọn thông qua bầu cử dân chủ tại đại hội thành viên hoặc đại hội đại biểu người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Tùy theo quy mô và loại hình tổ chức được lựa chọn để quyết định bộ máy quản lý phù hợp, đảm bảo gọn nhẹ và hiệu quả, cụ thể như sau:

a) Hợp tác xã bao gồm: Hội đồng quản trị, giám đốc và ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên.

b) Tổ hợp tác: Đại diện là tổ trưởng. Trường hợp tổ hợp tác có từ 30 thành viên trở lên thì thành lập ban điều hành, số lượng thành viên ban điều hành do tổ hợp tác quy định.

2. Bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ được quy định như sau:

a) Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở có quy mô liên thôn, xã, liên xã: Thành lập tổ kinh tế và tổ kỹ thuật;

b) Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở có quy mô thôn: Thành lập tổ tổng hợp phụ trách chung về kinh tế và kỹ thuật;

c) Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp có thực hiện dịch vụ thủy lợi: Thành lập tổ hoặc đội thủy nông.

### **Điều 11. Tài sản và tài chính của tổ chức thủy lợi cơ sở**

#### 1. Tài sản

a) Công trình thủy lợi do Nhà nước đầu tư giao cho tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác.

b) Tài sản thuộc các nguồn vốn do tập thể, cá nhân đóng góp, Nhà nước hỗ trợ hoặc các tổ chức khác tài trợ.

c) Tổ chức thủy lợi cơ sở có trách nhiệm quản lý, bảo tồn và phát huy hiệu quả tài sản được giao.

#### 2. Tài chính

a) Kinh phí hoạt động của tổ chức thủy lợi cơ sở bao gồm: Đóng góp của tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; hỗ trợ của Nhà nước; tổ chức, cá nhân khác đầu tư.

b) Các thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thống nhất mức đóng góp để đảm bảo chi trả tiền sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định, chi các hoạt động quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng theo nguyên tắc đa số, tính đúng, tính đủ và công khai.

c) Hằng năm tổ chức thủy lợi cơ sở lập kế hoạch tài chính, cân đối thu chi, thực hiện công khai, minh bạch các nguồn thu và các khoản mục chi.

d) Đối với kinh phí được Nhà nước hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, kinh phí bảo trì được thực hiện theo quy định lộ trình tính giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

đ) Đối với các nguồn kinh phí đóng góp và các nguồn thu khác, tỷ lệ cơ cấu các khoản mục chi do tổ chức thủy lợi cơ sở quy định trong điều lệ, quy chế của tổ chức.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chung đối với tất cả các công trình và hệ thống công trình trên toàn tỉnh, quyết định đơn vị làm chủ đầu tư các dự án đầu tư sửa chữa công trình thuộc nguồn vốn nhà nước.

2. Quyết định danh mục công trình được phân cấp quản lý tại Khoản 1, Điều 6; Quyết định phương thức khai thác công trình giao doanh nghiệp khai thác theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi, phương án bảo vệ công trình, phương án ứng phó thiên tai cho công trình cấp tỉnh quản lý sau khi có kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Khoản 1, Điều 57, Luật Thủy lợi.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công trình thủy lợi được phân cấp cho cấp tỉnh quản lý; Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn.

2. Căn cứ vào các tiêu chí và điều kiện cụ thể từng thời điểm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập danh mục các công trình thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp quản lý.

3. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 12 quy định này.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn tất cả các công trình thủy lợi nằm trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi ở cơ sở phù hợp theo Điều 9,10,11 của quy định này và quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi để tiếp nhận việc khai thác, sử dụng các công trình được phân cấp trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo xây dựng và phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi được giao quản lý sau khi có kết quả thẩm định của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng cấp.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 57 Luật Thủy lợi.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 57 Luật Thủy lợi.

### **Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức thủy lợi cơ sở, các doanh nghiệp quản lý khai thác công trình thủy lợi.**

1. Củng cố năng lực, sắp xếp lại bộ máy tổ chức quản lý cho phù hợp để thực hiện việc quản lý, khai thác có hiệu quả, đảm bảo an toàn cho công trình.

2. Tham gia xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa các doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và các tổ chức thủy lợi cơ sở tại các địa phương.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước, bảo trì công trình thủy lợi, bao gồm:

a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước, bảo trì công trình thủy lợi;

b) Thông báo lịch cấp, tưới, tiêu và thoát nước cho người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi;

c) Theo dõi hiệu quả hoạt động và đánh giá chất lượng, kết quả dịch vụ sau mỗi mùa, vụ.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi; phương án ứng phó thiên tai; quy trình vận hành công trình; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình được giao quản lý, khai thác.

5. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, cung cấp dịch vụ khác. Khuyến khích, vận động sự tham gia của người dân trong sử dụng và bảo vệ công trình.

6. Chủ động xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (bao gồm giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác) trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

7. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 54, Luật Thủy lợi.

### **Điều 17. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh**

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, tổ chức thực hiện quy trình hệ thống giao thông phù hợp với hệ thống công trình thủy lợi.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống cấp thoát nước đô thị, Khu dân cư, Khu công nghiệp nằm trong hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi và không gây ô nhiễm môi trường nước.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ:

a) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi với mục đích khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Chịu trách nhiệm trong việc thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước.

c) Thanh tra, kiểm tra về tài nguyên nước, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp danh mục các dự án về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trình chủ trương để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Sở Tài chính bố trí kinh phí cho các đơn vị được giao quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi theo quy định.

6. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo việc ngăn chặn các hành vi phá hoại, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi và khắc phục hậu quả khi xảy ra sự cố.

#### **Điều 18. Quy định về điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi quy định**

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**

